Soạn bài Ôn tập văn học dân gian Việt Nam - Ngữ văn lớp 10

Hướng dẫn trả lời câu hỏi ôn tập và bài tập vận dụng:

I - Nội dung ôn tập

Câu 1. Trình bày các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian.

a. Định nghĩa văn học dân gian: Văn học dân gian là những tác do nhân dân sáng tạo trong quá trình học tập, sinh hoạt, mang tín thể, truyền miệng, nhằm phục vụ các sinh hoạt tinh thần của tầng lớp bình dân trong xã hội.

b. Đặc trưng của văn học dân gian, chứng minh:

- Tính truyền miệng: Là đặc điểm nói lên phương tiện sáng tác, ngôn ngữ nói, khác hẳn với văn học viết (sử dụng ngôn ngữ viết).

Các tác phẩm đã học như sử thi Đăm Săn (dân tộc Ê-đê), truyện thơ Tiễn dặn người yêu (dân tộc Thái), truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thuỷ (dân tộc Kinh), cùng với các bài ca dao, truyện cười, được sáng tác và lưu truyền bằng miệng, về sau, các tác phẩm đã được ghi chép lại.

- Tính tập thể: Là đặc trưng trên phương diện người sáng tác học dân gian thường là tác phẩm của nhiều người, vì trong quá trình truyền bằng miệng, những người tham gia vẫn có quyền thêm, bớt và sáng tạo lại khiến cho tác phẩm có được phong cách tập thể, phán ánh rõ rệt với các tác phẩm văn học viết (có phong cách cá nhân).

Các tác phẩm văn học dân gian đã học đều mang tính tập thể, là sản phẩm sáng tác của tập thể, không mang dấu ấn phong cách củ cá nhân nào.

- Tính thực hành: Phục vụ trực tiếp cho những sinh hoạt trong cuộc sống của cộng đồng.

Câu 2. Hệ thống các thể loại văn học dân gian

**** Lập bảng hệ thông tổng hợp các thể loại theo mẫu***

Truyện dân gian	Câu nói dân gian	Thơ dân gian	Sân khấu dân gian
Thần thoại	Tục ngữ	Sử thi	Chèo
Truyền thuyết	Vè	Truyện thơ	Tuồng đồ
Cổ tích	Câu đố	Ca dao	Các trò diễn (Có tích trò)

Ngụ ngôn Truyện cười			

**** Hệ thống đặc trưng của một số thể loại chính***

TT	Thể loại	Ví dụ	Đặc trưng
1	Sử thi anh hùng	Đăm Săn	Kể về các nhân vật anh hùng thời hình thành các dân tộc vối thái độ tôn vinh, có tính chất thần linh, kì ảo.
2	Truyền thuyết	An Dương Vương	Kể về các nhân vật lịch sử, có liên quan đến thần linh
3	Cổ tích	Tấm Cám	Kể về cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, nhằm bênh vực cái thiện, có các yếu tố kì ảo tham gia hỗ trợ.
4	Truyện cười	Tam đại con gà	Kể về những điều nghịch lí, mất tự nhiên, nhằm giải trí hoặc phê phán.
5	Ca dao	Các bài ca dao đã học	Thể hiện tình cảm, tâm tư, nguyện vọng của tầng lớp bình dân.
6	Truyện thơ	Tiễn dặn người yêu	Kể lại những câu chuyện tình cảm, cũng có đấu tranh chống cái ác nhưng dưới hình thức bài thơ dài.

Câu 3. Bảng tổng hợp, so sánh các thể loại theo mẫu (SGK)

Thể loại	Mục đích sáng tác	Hình thức lưu truyền	Nội dung phản ánh	Kiểu nhân vật	Đặc điểm nghệ thuật
Sử thi anh hùng	Ghi lại cuộc sống và mơ ước phát triển cộng đồng người Tây Nguyên	Hát - kể	Hình ảnh xã hội Tây Nguyên ở giai đoạn tiền giai cấp, tiền dân tộc	Người anh hùng kì vĩ, cao đẹp, giàu lí tưởng	So sánh phóng đại, trùng điệp tạo ra sự hoành tráng, kì vĩ

Truyền thuyết	Thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử	Kể - diễn xướng	Kể về các sự kiện, nhân vật lịch sử có thật nhưng đã được khúc xạ qua hư cấu, tưởng tượng	Nhân vật lịch sử được truyền thuyết hóa	Có sự tham gia của các chi tiết sự việc có tính chất thiêng liêng kì ảo
Truyện cổ tích	Thể hiện nguyện vọng ước mơ của nhân dân trong XH có giai cấp	Kể	Xung đột xã hội, cuộc đấu tranh giữa thiện và ác, chính nghĩa và gian ác	Người con riêng, con út, người bất hạnh,...	Truyện không có thật, kết cấu theo kiểu đường thẳng, nhân vật chính trải qua các chặng khác trong cuộc đời
Truyện cười	Mua vui, giải trí, châm biếm, phê phán xã hội nhằm giáo dục nội bộ nhân dân, lên án, tố cáo giai cấp thống trị	Kể	Những điều trái tự nhiên, những thói hư tật xấu trong xã hội.	Kiểu nhân vật có thói hư tật xấu	Truyện ngắn gọn, tình huống bất ngờ, mâu thuẫn phát triển nhanh, kết thúc đột ngột gây cười

Câu 4.

a. Ca dao than thân thường là lời của ai? Vì sao? Thận phận của những con người ấy hiện lên như thế nào, bằng những so sánh, ẩn dụ gì?

b. Nêu những biện pháp nghệ thuật thường sử dụng trong ca dao.

Trả lời:

a.

- Ca dao than thân là lời của những người bình dân, vì những người phụ nữ bình dân trong xã hội phong kiến phải chịu nhiều điều bất hạnh, họ phải chịu nhiều tầng áp bức.

Thân phận người phụ nữ bình dân hiện lên trong bài ca dao than thân như là những số phận không thể tự chủ, không quyết định được vận mệnh của mình. Họ thường ví mình như "tấm lụa đào" giữa chợ, như "hạt mưa sa" giữa trời, như "giếng nước giữa đàng" không biết vận may rủi sẽ rơi vào tay ai.

- Ca dao yêu thương, tình nghĩa đề cập đến niềm thương nỗi nhớ, tình cảm mặn mà, thuỷ chung son sắt.

Ca dao thường nhắc đến "cái khăn" để bộc lộ tình yêu vì đó là những hình ảnh gần gũi, được chọn để biểu trưng cho tình cảm, cho khát vọng, tình yêu của nhân dân lao động.

Ca dao cũng thường dùng các biểu tượng "cây đa", "bến nước", "con thuyền", "gừng cay", "muối mặn" để nói lên tình nghĩa của mình vì những sự vật ấy có những nét tương đồng, gần gũi với tình cảm của con người nông thôn Việt Nam.

- So sánh tiếng cười tự trào và tiếng cười phê phán xã hội trong ca dao hài hước: Đây đều là những tiếng cười hóm hỉnh, thông minh, hài hước. Điều này cho thấy tâm hồn người bình dân luôn lạc quan trước cuộc đời còn nhiều nỗi lo toan, vất vả.

b. Những biện pháp nghệ thuật thường dùng trong ca dao

Biện pháp nghệ thuật	Ý nghĩa	Ví dụ
So sánh	Là cách đối chiếu sự vật này với sự vật khác trên cơ sở những nét giống nhau.	Thân em như tấm lụa đào... Thân em như củ ấu gai... Thân em như giêng giữa đàng... Muối mặn... gừng cay... (như đôi ta tình nặng nghĩa dày)
Ẩn dụ	Là cách lấy tên của sự vật này để nói sự vật khác (vắng mặt) trên cơ sở những nét giống nhau.	Mặt trăng sánh với mặt trời... Khăn thương nhớ ai
Hoán dụ	Là cách lấy tên của sự vật này để nói sự vật khác trên cơ sở những mối quan hệ gần nhau (toàn thể - bộ phận,...).	Mắt thương nhớ ai.
Nói quá	Tức phóng đại, có ít nói nhiều, có nhỏ nói to hay ngược lại.	Ước gì sông rộng một gang... Lỗ mũi mười tám gánh lông.
Nói ngược	Cách nói làm cho những gì trái ngược lại nằm trong hình thức thuận chiều.	Làm trai cho đáng nên trai - Khom lưng uốn gối gánh hai hạt vừng.
Tương phản	Cách nói tạo thành hai vế ngược nhau.	Chồng người đi ngược về xuôi Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo.

Soạn bài Ôn tập văn học dân gian Việt Nam - Ngữ văn lớp 10

II. Bài tập vận dụng

Câu 1.

a. Những nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng của sử thi là gì?

b. Nhờ những thủ pháp đặc trưng đó, vẻ đẹp của người anh hùng sử thi đã được lí tưởng hóa như thế nào?

Trả lời:

a. Những nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng của sử thi:

- Miêu tả bằng những hình ảnh so sánh:

"Thế là Đăm Săn lại múa. Chàng múa trên cao, gió như bão. Chàng múa dưới thấp, gió như lốc... (đoạn giữa).

Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang với sức voi đực, hơi thở chàng ầm ầm tựa sấm dậy (Đoạn cuối).

- Sử dụng hình ảnh phóng đại:

"Khi chàng nhảy múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung (đoạn giữa).

"Bà con xem, Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán (đoạn cuối).

- Thủ pháp trùng điệp: Nằm ở nội dung của các câu văn và ở cả cách thức thể hiện. Các hành động, cũng như đặc điểm của Đam Săn đều được luyến láy nhiều lần nhằm tạo nên sự kì vĩ, lớn lao: "Chàng chạy vun vút qua phía đông, vun vút qua phía tây", "Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang... Đam Săn vốn ngang tàng từ trong bụng mẹ",...

- Sử dụng yếu tố kì ảo: Trong đoạn trích, sở dĩ Đăm Săn Chiến thắng Mtao Mxây còn có vai trò rất quan trọng của ông Trời. Đó là nhân vật thần linh theo quan niệm của người Ê-đê thời xưa, cũng là yếu tố kì ảo trong truyện dân gian nói chung.

b. Tác dụng của việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật trên: góp phần tạo nên âm hưởng hùng tráng, vẻ đẹp rực rỡ trong nghệ thuật miêu tả chân dung nhân vật anh hùng, vẻ đẹp của người anh hùng sử thi được lí tưởng hóa.

Soạn bài Ôn tập văn học dân gian Việt Nam - Ngữ văn lớp 10

Câu 2. Căn cứ vào bi kịch Mị Châu - Trọng Thủy hãy lập bảng và ghi nội dung trả lời theo mẫu dưới đây.

Trả lời:

Cái cột lõi sự thật lịch sử	Bi kịch được hư cấu	Những chi tiết hoang đường, kì ảo	Tính chất của bi kịch	Kết quả của bi kịch	Bài học rút ra
Cuộc xung đột giữa An Dương Vương và Triệu Đà thời kì Âu Lạc	Bi kịch tình yêu	Thần Kim Quy, nỏ thần, ngọc trai - giếng nước, rùa vàng rẽ nước dẫn An Dương Vương xuống biển	Dữ dội, quyết liệt và toàn diện	Mất tất cả: tình yêu, gia đình, đất nước	Cảnh giác giữ nước, không ý thế chủ quan, không nhẹ dạ cả tin

Câu 3. Phân tích truyện cổ tích Tấm Cám để làm rõ đặc sắc nghệ thuật của truyện là sự chuyển biến hình tượng nhân vật Tấm.

Trả lời:

Một trong những đặc sắc về nghệ thuật của truyện Tấm Cám, là sự chuyển hóa liên tục của nhân vật Tấm, từ chỗ yếu đuối, thụ động, đến chỗ cương quyết giành lại sự sống và hạnh phúc cho mình. Điều đó có thể thấy rõ qua hai giai đoạn trong cuộc đời của nhân vật:

- Giai đoạn đầu: Tấm chỉ là một cô gái yếu đuối, thụ động (từ đầu đến chỗ Tấm chết hóa thành con chim vàng anh). Trong đoạn này, nhân vật Tấm chủ yếu xuất hiện là con người nhỏ bé, yếu đuối, bị áp bức... chỉ biết khóc khi bị áp bức. Để nhân vật vượt qua được ngang trái, hầu hết phải nhờ đến sự hỗ trợ từ bên ngoài (Bụt).

- Từ chỗ hóa thành chim vàng anh đến hết truyện, nhân vật có sự chuyển hóa thành chủ động, kiên quyết đấu tranh giành lại sự sống và hạnh phúc cho mình: Trong đoạn này, Tấm trở nên chủ động, kiên quyết, mạnh mẽ hơn. Biểu hiện của những phẩm chất đó qua tiếng chim Vàng Anh (Giặt áo chồng tao - Thì giặt cho sạch...), qua tiếng khung cửi (Kẽo cà kẽo kẹt - Lấy tranh chồng chị - Chị khoét mắt ra); qua cả việc hóa thân qua các kiếp khác; kiếp làm con chim, kiếp làm cây xoan, cây thị... và cuối cùng trở về kiếp con người.

Có thể nói, sở dĩ có sự phát triển về tính cách như vậy là vì ban đầu, Tấm chưa ý thức được thân phận của mình, những mâu thuẫn thì chưa tới mức căng thẳng và quyết liệt. Hơn nữa, Tấm lại có sự giúp đỡ của nhân vật thần kì nên Tấm còn thụ động. Ở giai đoạn sau, mâu thuẫn bắt đầu quyết liệt đẩy Tấm vào thế phải đấu tranh để giành lại cuộc sống

và hạnh phúc của mình. Sự phát triển tính cách của nhân vật Tấm cũng cho thấy sức sống bất diệt của con người trước sự vùi dập của các thế lực thù địch. Nó là sự chiến thắng của cái thiện trước cái ác trong cuộc sống.

Câu 4. Lập bảng ghi nội dung các truyện cười đã học theo mẫu (SGK, tr. 102)

Trả lời:

Truyện	Đối tượng cười	Nội dung cười	Tình huống cười	Cao trào
Tam đại con gà	Thầy đồ dốt	Thói sĩ diện hão, đã dốt lại hay giấu dốt	Thầy bị học trò hỏi dồn, nhất là người nhà chất vấn	Thầy bia ra "Dủ dỉ là chị con công, con công là ông con gà" để chống chế
Nhưng nó phải bằng hai mày	Quan tham	Thói tham ô, ăn hối lộ	Hai người cùng hối lộ, quan xử kiện dựa theo số tiền nhận hối lộ	Cử chỉ của Cải và ông Lý, ngầm liên quan với lời ông Lý: "Tao biết mày phải, nhưng nó còn phải bằng hai mày".

Câu 5. Điền tiếp vào sau các từ "Thân em như... " và "Chiều chiều... "để thành những bài ca dao trọn vẹn.

Trả lời:

a. Điền tiếp

- *Thân em như tấm lụa điều*

Đã đông kẻ chuộng lại nhiều kẻ ưa

- *Thân em như miếng cau khô*

Người khôn tham mỏng, người thô tham dày

- *Thân em như tấm lụa đào*

Dám đâu xé lẻ vuông nào cho ai

- Chiều chiều ra đứng bờ sông

Muốn về với mẹ mà không có đò

- Chiều chiều chim rét kêu chiều

Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau

- Chiều chiều ra đứng lầu tây

Thấy cô gánh nước tưới cây ngô đồng...

Mở đầu các bài ca dao theo mô-típ như vậy có tác dụng tạo ra thói quen để người nghe dễ tiếp nhận.

b. Thống kê các hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong những bài ca dao đã học;

Các hình ảnh so sánh	Các hình ảnh ẩn dụ
- Thân em như tấm lụa đào Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai - Thân em như củ ấu gai Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen - Mình ơi mình nhớ ta chăng Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời - Muối ba năm muối đang còn mặn Gừng chín tháng gừng hãy còn cay Đôi ta tình nặng nghĩa dày Có xa nhau đi chăng nữa, ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.	- Mặt trăng sánh với Mặt trời Sao Hôm sánh với sao Mai chằng chằng... - Khăn thương nhớ ai! Khăn rơi xuống đất... Đèn thương nhớ ai mà đèn chẳng tắt...

- Giải thích lí do: Nhân dân lao động lấy các hình ảnh so sánh ẩn dụ này trong thực tế lao động sản xuất hằng ngày. Những người đi sớm về khuya thường thấy sao Mai, sao Hôm,

sao Vượt rất gần gũi, những người nông dân thấy "gừng cay, muối mặn" chiếc khăn, chiếc đèn... là những vật rất quen thuộc...

Hiệu quả nghệ thuật của các hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong ca dao. Làm cho tình cảm của người bình dân được diễn tả một cách kín đáo, sâu sắc, tinh tế và đậm đà tính dân tộc.

c. Tìm thêm một số câu ca dao nói về chiếc khăn, chiếc áo, nỗi nhớ của những đôi lứa đang yêu, biểu tượng cây đa, bến nước, con thuyền, gừng cay, muối mặn...

- Chồng em áo rách em thương

Chồng người áo gấm xông hương mặc người.

- Thôi thôi buông áo em ra

Để em đi bán kẻo hoa em tàn.

- Nỗi nhớ của những đôi lứa đang yêu:

- Nhớ ai hết đứng lại ngồi

Ngày đêm tơ tưởng một người tình nhân.

- Nhớ chàng lắm lắm chàng ơi

Nhớ chỗ chàng đứng, nhớ nơi chàng nằm

Vắng chàng em vẫn hỏi thăm

Nào em đã bỏ mấy năm mà hờn!

- Nhớ ai con mắt lim dim

Chân đi thất thểu như chim tha mồi.

Câu 6: Tìm một vài bài thơ của các nhà thơ trung đại và hiện đại có sử dụng chất liêu văn học dân gian để chứng minh vai trò của văn hoc dân gian đối với văn học viết.

Trả lời:

a. Trong văn học trung đại

- Thơ Hồ Xuân Hương:

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son

(*Bánh trôi nước*)

+ Thân em: cách mở đầu giống với mô - tip bắt đầu bằng thân em của ca dao.

+ Bảy nổi ba chìm sử dụng lời ăn tiếng nói của dân gian (thành ngữ)

- Thơ Nguyễn Khuyến:

Bắt đầu tiếp khách trầu không có

Bác đến chơi đây, ta với ta

(*Bạn đến chơi nhà*)

+ Lấy từ "Miếng trầu làm đầu câu chuyện" - tục lệ tiếp khách có trầu không trong dân gian.

b. Trong văn học hiện đại

- Bài thơ Bài ca xuân 68 của Tố Hữu có đoạn:

"Hoan hô Anh giải phóng quân

Kính chào Anh, con người đẹp nhất!

Lịch sử hôn Anh, chàng trai chân đất

Sống hiên ngang, bất khuất trên đời

Như Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi

Đoạn thơ có sử dụng chất liệu trong cổ tích Thạch Sanh:

"Súng nổ rung trời giận dữ

Người lên như nước vỡ bờ

Nước Việt Nam từ máu lửa

Rủ bùn đứng dậy, sáng lòa"...

Khổ thơ trên có sử dụng 2 hình ảnh trong ca dao: hình ảnh "lửa thử vàng" và "bông sen không lấm trong bùn":

"Vàng thì thử lửa thử than

Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời"

Hình tượng "Lửa thử vàng" dẫn đến việc dùng từ "sáng lòa" trong câu: "*Nước Việt Nam từ máu lửa - Rủ bùn đứng dậy sáng lòa"*

Và bài ca dao:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"

Do ý tứ của bài ca dao này mà Nguyễn Đình Thi đã sử dụng từ "bùn" trong "Rủ bùn đứng dậy...

Các nhà thơ, nhà văn lớn thường lấy trong ca dao, truyện kể dân gian những yếu tố nội dung và nghệ thuật làm nên tác phẩm của mình.